

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương;

2. Ông Phan Ngọc Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Cẩm P, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 292, tổ 11, ấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (có mặt);

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 292, tổ 11, ấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm P trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí L tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau và tự về chung sống với nhau từ năm năm 1994, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống có hạnh phúc được khoảng 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông L chỉ lo chơi, không chăm lo cuộc sống cho gia đình dẫn

đến cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà P và ông L có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1999 hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Chí L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông có lời khai:

- Về hôn nhân: Ông L với bà P tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau và tự về chung sống với nhau từ năm năm 1994, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thì ông L và bà P sống bằng nghề làm thuê tại xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang và sống có hạnh phúc được khoảng 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L bất đồng ý kiến với cha vợ, ông L cũng thừa nhận có đôi lúc ông lo chơi, không chăm lo cuộc sống cho gia đình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay ông L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà Nguyễn Cẩm P, ông yêu cầu được đoàn tụ về chung sống lại với nhau.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1999 hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông L và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng;

+ Về con chung: Bà P và ông L có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/1995 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 25/8/1999 hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị P và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị P và anh L đều khai không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Cẩm P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Cẩm P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí L có nơi cư trú tại ấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà P và ông L chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi sống chung thì cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến ông bà không chung sống được với nhau. Bà P xin được ly hôn với ông L, ông L không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, tuy bà P và ông L chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng ông bà đã không đăng ký

kết hôn theo quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/1995 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 25/8/1999 hiện các con đã trưởng thành và lao động được, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà P và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Cẩm P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L là vợ chồng.

- Về con chung: Bà P và ông L có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/02/1995 và Nguyễn Thị Hoàng H, sinh ngày 25/8/1999 hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Cẩm P và ông Nguyễn Chí L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006100 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Lan